

Bản án số: 176/2019/DS-PT  
Ngày 16-5-2019  
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Bình

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:***  
Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 443/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2018 về việc: Tranh chấp Quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2018/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 699/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Thị D, sinh năm 1934 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp 5A, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phan Văn L, sinh năm 1966 (có mặt) (Theo Tờ ủy quyền ngày 06/10/2017). Địa chỉ: ấp 5A, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Phan Văn H, sinh năm 1955 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp 5A, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (vắng mặt). Địa chỉ: số A, đường B, phường C, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt). Địa chỉ: số A, đường T, phường B, thị xã L, Tiền Giang.

- 3.3 Huỳnh Thị L, sinh năm 1956 (xin vắng mặt);
- 3.4 Phan Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt);
- 3.5 Phan Thị H1, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);
- 3.6 Phan Thanh T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);
- 3.7 Lê Thị Hồng B, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 5A, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang

4. *Người kháng cáo*: Bà Phan Thị D, sinh năm 1934. Địa chỉ: ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Phan Văn L, sinh năm 1966 (có mặt) (Theo Tờ ủy quyền ngày 06/10/2017). Địa chỉ: ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/25017, Tờ bổ sung ngày 19/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị D và ông Phan Văn L - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị D thống nhất trình bày:

Phần đất của bà D thừa số 2119, diện tích 1.974m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 02175 QSDD/1/84 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho bà Phan Thị D ngày 31/8/1993, giáp ranh với thửa số 161, diện tích 1.154m<sup>2</sup> của ông Phan Văn H. Giữa hai thửa đất là con mương ngang 03m, dài 75m để dẫn nước, tiêu nước làm ruộng do bà sử dụng, đo đạc thực tế con mương ngang 2,95m dài 60,8m, diện tích 171,3m<sup>2</sup> theo Họa đồ khu đất ngày 30/9/2016.

Nguồn gốc đất của bà là do ông Phan Văn L - cha chồng của bà D khai hoang trước năm 1957, ông L có đào con mương. Con mương này giáp với đất của bà Huỳnh Thị T (em dâu ông L), phần đất của bà T do ông L cho. Con mương này thuộc thửa 2119, trong tổng diện tích 1.974m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị D.

Đầu năm 1976 bà Tư hoán đổi đất với ông Phan Văn H2 (anh ruột của ông Phan Văn H). Khoảng năm 1978 - 1979 ông H2 để lại phần đất cho em là ông Phan Văn H. Ông H2 cho rằng, con mương này của ông H2 nên gia đình bà có nhờ đến chính quyền địa phương giải quyết. Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú lúc bấy giờ, nay là UBND xã Phú Cường xác định con mương này là của gia đình bà, chỉ hòa giải không có biên bản. Năm 1993 cơ quan Nhà nước đến đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên. Từ năm 1993 đến năm 1998 gia đình bà vẫn sử dụng con mương này để dẫn nước, thoát nước làm ruộng. Ông Phan Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.221m<sup>2</sup>. Năm 1998 ông H lấp con mương, gia đình bà khiếu nại đến chính quyền địa phương và tranh chấp con mương này với ông H, được cán bộ địa chính cấp xã và cấp huyện đo đạc lại diện tích đất của bà và của ông H, có mời hai bên hòa giải nhiều lần. Ông H được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất vào năm 2007, gia đình bà không biết. Bà không có đường nước nào khác sử dụng và không sử dụng nhờ như ông H trình bày.

Bà không còn đường nước sử dụng từ khi tranh chấp đến nay. Nước để canh tác lúa ở phía sau hiện là do bà sử dụng nhờ của người ta, phải chuyển qua nhiều hộ, đến nay bà không có đường nước canh tác lúa nên mới yêu cầu giải quyết. Năm 2000, Nhà nước làm kênh và lộ, đo đạc thực tế, đất của bà bị giảm chỉ còn 1.310,8m<sup>2</sup>, giảm 664m<sup>2</sup>; lý do giảm diện tích là do làm kinh và làm lộ giảm 491,9m<sup>2</sup> và do ông H lấn chiếm diện tích 171,3m<sup>2</sup>.

Quá trình tranh chấp, khiếu nại, bà có đến liên hệ với UBND xã Phú Cường và Phòng địa chính huyện Cai Lậy để yêu cầu sớm giải quyết tranh chấp đất con mương để gia đình bà an tâm tiếp tục làm ruộng thì UBND huyện Cai Lậy ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 về việc xử lý tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà và ông H, xác định đất con mương thuộc quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H. Không đồng ý với Quyết định này, bà khiếu nại thì được cán bộ địa chính xã và địa chính huyện đo đạc lại lần thứ 3 và UBND huyện Cai Lậy ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 về việc giải quyết đơn khiếu nại, xác định con mương nước thuộc quyền sử dụng đất của ông H. Bà đã khởi kiện UBND huyện Cai Lậy đến TAND huyện Cai Lậy đối với 02 quyết định hành chính nêu trên nhưng không được thụ lý. Bà khiếu nại đến UBND tỉnh Tiền Giang, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng mương ranh giữa bà với ông H, vẫn xác định con mương thuộc quyền sử dụng đất của ông H. UBND xã Phú Cường đã tiến hành hòa giải động viên hai bên xác định mỗi bên 1/2 con mương nhưng ông H không đồng ý. Các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đều sai vì cố ý làm sai pháp luật, bao che xác định con mương của ông H là không đúng.

Bà đã khởi kiện vụ án hành chính đối với 03 quyết định hành chính nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã thụ lý và giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 26/2017/QĐST-HC ngày 13/9/2017. Bà kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, giữ y quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông H trả phần đất con mương ngang 2,95m dài 60,8m diện tích 171,3m<sup>2</sup> theo Hợp đồng khu đất ngày 30/9/2016.

Yêu cầu hủy 03 Quyết định hành chính gồm:

+ Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy;

+ Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 của UBND huyện Cai Lậy về việc giải quyết đơn khiếu nại số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của UBND huyện Cai Lậy;

+ Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng nương rãnh giữa bà Phan Thị D với ông Phan Văn H;

Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang liên đới bồi thường thiệt hại do các quyết định hành chính gây ra trong 20 năm tổng số tiền 2.178.000.000 đồng (gồm: 12 năm đầu mất mùa 720.000.000 đồng, 7 năm sau thiệt hại 50% là 210.000.000 đồng, tiền bơm nước chuyên 19 năm là 200.000.000 đồng, tiền lao động bán vé số 19 năm là 532.000.000 đồng, tiền đồ xăng đi khiếu kiện 159.000.000 đồng, tiền móc cống đê làm ruộng 10.000.000 đồng, tiền khắc phục bơm chuyên đất bị phèn 10.000.000 đồng, thời gian chờ trễ tiếp 4 năm là 100.000.000 đồng, tổn thất tinh thần 20 năm là 78.000.000 đồng).

\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn H trình bày:

Nguồn gốc đất trước đó ông không biết, ông chỉ nhận đất từ anh ông là ông Phan Văn H2 thời điểm sau hòa bình. Ông không biết việc tranh chấp con nương giữa anh ông và bà D. Thời điểm ông nhận đất thì con nương do ông H2 và cha ruột ông là ông Phan Văn G đào, ông L không có đào. Bà D không sử dụng con nương này, ông sử dụng con nương này để sinh hoạt gia đình vì nương rãnh thuộc phần đất của ông. Bà D sử dụng đường nước tưới tiêu ruộng là phần nương phía trên giáp đất ông Phan Văn U. Khi bà D tranh chấp với em chồng (ông U), ông H có cho sử dụng nhờ con nương 03 - 04 năm. Đến khoảng năm 1998 - 1999, do không có nhu cầu sử dụng đường nước nữa nên ông lấp con nương lại thì bà D tranh chấp đến nay. Ông được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01651 thửa số 161, diện tích 1.154m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5B, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, cấp ngày 07/11/2007, cấp cho hộ ông Phan Văn H. Diện tích đất ông có giảm 113m<sup>2</sup>, không biết lí do, có thể do làm kênh và lộ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông không thể chấp Ngân hàng. Hiện nay bà D có đất vườn có thể tạo đường nước sử dụng bình thường. Hiện tại ông sử dụng cây nước giếng khoan chứ không dùng nước sông nữa. Phía sau đất ruộng của bà D, ông L có đường nước. Nếu ông L và bà D muốn có đường nước sử dụng thì tự mở đường nước trên đất bà D. Ông không có lấn đất con nương của bà D, nên không đồng ý trả lại phần đất nương tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T thống nhất theo trình bày của bị đơn ông Phan Văn H.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, bà Huỳnh Thị L, chị Phan Thị H3, anh Phan Thanh T, chị Lê Thị Hồng B mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến, không tham gia phiên họp hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy xin vắng mặt, nhưng tại Công văn số 875/UBND-NC ngày 13/8/2018 và Công văn số 882/UBND-NC ngày 13/8/2018 trình bày:

Phần đất tranh chấp đòi lại đường nước giữa bà Phan Thị D với ông Phan Văn H, hiện trạng là 01 con mương. Trước năm 1975, ông Phan Văn Giả là cha ruột của ông Phan Văn H có đào 01 con mương từ sông Nguyễn Văn Tiếp chạy vào trên phần đất vườn của ông chiều ngang 03m, dài khoảng 30m, giáp với đất vườn của bà D (làm mương ranh). Sau năm 1975, anh ruột của ông H là ông Phan Văn H2 tiếp tục đào thêm 01 đoạn con mương ranh nêu trên, trên phần đất vườn của mình có tổng chiều dài 75m, giáp với đầu đất ruộng của bà D. Trước năm 1975, bà D có khoảng 5.000m<sup>2</sup> đất ruộng năm sau đất vườn của gia đình bà và em chồng là ông Phan Văn U. Sau năm 1975, bà D vẫn sử dụng đường bom nước nêu trên.

Khoảng năm 1990, ông H2 giao phần đất vườn của mình cho ông H cất nhà ở riêng. Từ đó, ông H dùng con mương giáp ranh với đất bà D phục vụ sinh hoạt cho gia đình ông. Trong quá trình sử dụng, phía gia đình bà D không thường xuyên nạo vét kênh của gia đình bà; đồng thời có mâu thuẫn với em chồng là ông Phan Văn U nên bà D đến bơm nhờ trên đường nước của ông H, ông H thống nhất cho bà D bơm nước chung con mương này. Khoảng năm 1998, con mương bị lấp dần, ông H đề nghị gia đình bà D phụ nạo vét, bà D không thống nhất nên ông H đắp đoạn ngoài giáp sông Nguyễn Văn Tiếp, từ đó cả hai bên phát sinh tranh chấp.

Ngày 22/5/2005 Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UB về việc xử lý tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà D với ông H, nội dung quyết định: Bác yêu cầu khiếu nại của bà D về việc đòi lại đường bom nước. Nếu bà D có nhu cầu sử dụng thì đến thương lượng với ông H. Công nhận quyền sử dụng đường nước ngang 03m, dài 75m cho ông Phan Văn H quản lý sử dụng.

Bà D khiếu nại, ngày 20/7/2000 Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, nội dung của quyết định: Giữ y Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy.

Bà D tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Ngày 09/11/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 3574/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đòi quyền sử dụng mương ranh giữa bà D với ông H, nội dung quyết định: Bác đơn khiếu nại của bà D về việc đòi quyền sử dụng mương ranh. Chuẩn y Quyết định số 2328/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 và Quyết định số 2328/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, là đúng theo trình tự quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết khiếu nại. Do đó, yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có cơ sở.

Qua rà soát tại thửa đất số 161 tờ bản đồ số 06 của ông Phan Văn H và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 06 của bà Phan Thị D hướng Bắc giáp với đường đi công cộng và kênh Nguyễn Văn Tiếp. Tuy nhiên, trong quá trình làm kênh và đường, Ủy ban nhân dân huyện không có thu hồi đất nên không xác định được diện tích đất của ông H và bà D bị giảm do làm đường và kênh nên không có Quvết định và hồ sơ thu hồi đất cung cấp cho Tòa án.

Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy có ý kiến sẽ vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ kiện.

\* Tại phiên tòa, ông Phan Văn L - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Phan Văn H, anh Phan Văn T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/DS-ST ngày 14-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 147, 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 166, 175, 288 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; Điều 7, 20, 32 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ vào Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc yêu cầu ông Phan Văn H trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Buộc hộ ông Phan Văn H, Huỳnh Thị L, Phan Văn T, Phan Thị H1, Phan Văn T, Phan Thị Hồng B có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Phan Thị D diện tích đất lấn chiếm 58,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Phan Văn H;
- + Tây giáp đất bà Phan Thị D;
- + Nam giáp đất bà Phan Thị D;
- + Bắc giáp đất đường đá.

(có Họa đồ khu đất kèm theo)

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy; Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 của UBND huyện Cai Lậy v/v giải quyết đơn khiếu nại số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của UBND huyện Cai Lậy; Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang v/v giải quyết tranh chấp quyền sử dụng nương rãnh giữa bà Phan Thị D với ông Phan Văn H.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc đòi Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang bồi thường thiệt hại về tài sản và tinh thần do các quyết định hành chính gây ra với số tiền 2.178.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29-8-2018, bà Phan Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc ông H phải trả ruộng ranh cho bà D làm đường thoát nước, buộc Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang bồi thường thiệt hại cho bà D số tiền 2.178.000.000 đồng, hủy 03 Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy; Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 của UBND huyện Cai Lậy v/v giải quyết đơn khiếu nại số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của UBND huyện Cai Lậy; Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang v/v giải quyết tranh chấp quyền sử dụng ruộng ranh giữa bà Phan Thị D với ông Phan Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phan Văn L người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Giữ yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn vắng mặt, do bị đơn không kháng cáo, Tòa án triệu tập xét xử lần thứ 02, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xét xử vắng mặt không kháng cáo và đều vắng mặt, nên xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu về chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, của đương sự; phân tích các chứng cứ có ở hồ sơ, ý kiến của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Huỳnh Thị L, chị Phan Thị H, anh Phan Thanh T, chị Lê Thị Hồng B xin vắng mặt. Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ nêu trên.

[2] Nguyên đơn bà Phan Thị D khởi kiện bị đơn ông Phan Văn H yêu cầu buộc ông H trả lại phần đất con ruộng lấn chiếm có chiều ngang 2,98m<sup>2</sup>, chiều dài 60,8m, diện tích 171,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa 2119, tọa lạc tại ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Nguyên đơn bà D và ông L - đại diện theo uỷ quyền của bà D khiếu kiện

yêu cầu hủy 03 quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang bồi thường thiệt hại về tổn thất tài sản và tinh thần số tiền 2.178.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 7, 30 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xác định quan hệ khiếu kiện là khiếu kiện “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra”.

[3] Căn cứ vào Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3, 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D yêu cầu buộc ông Phan Văn H trả diện tích đất lấn chiếm ngang 2,98m, chiều dài 60,8m, diện tích 171,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa 2119, tọa lạc tại ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang. Theo án sơ thẩm là Hòa đồng khu đất ngày 30/9/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy thể hiện: phần đất tranh chấp có diện tích 171,3m<sup>2</sup>, hiện trạng là mương ranh lạng các bên không sử dụng lấy nước.

Theo Công văn số 139/UBND-VP ngày 17/7/2017 về việc cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã Phú Cường xác định: Trong quá trình làm đường, Ủy ban nhân dân xã vận động nhân dân hiến đất nên không có đo đạc và cũng không có quyết định thu hồi đất. Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận vào năm 2000 khi làm kênh và làm đường, các bên đều bị giảm diện tích đất, do không được đo đạc cụ thể nên không xác định chính xác mỗi bên giảm diện tích bao nhiêu. Các bên sử dụng cùng không có cọc, mốc giới gì làm chuẩn để xác định ranh giữa các bên.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01651 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Phan Văn H ngày 07/11/2007 thể hiện: Hộ ông H được cấp quyền sử dụng đất thửa số 161, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.154m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang. Theo tài liệu 299 thì phần đất này của ông H thuộc thửa 2120, diện tích 1.221m<sup>2</sup>, đất quả (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01994 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 31/8/1993). Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.154m<sup>2</sup> của ông H đã được đo đạc cụ thể theo quy định của pháp luật. Qua đo đạc thực tế, ông H đang quản lý sử dụng diện tích 1.040,9m<sup>2</sup>. Nếu cộng diện tích đất tranh chấp 171,3m<sup>2</sup> vào diện tích 1.040,9m<sup>2</sup> ông H đang sử dụng thì hộ ông H có tổng diện tích là 1.212,2m<sup>2</sup>, thừa 58,2m<sup>2</sup> so với diện tích đất được cấp quyền sử dụng đất ngày 07/11/2007.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số cấp giấy 02175 QSDĐ/1/84 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho bà Phan Thị D ngày 31/8/1993 thể hiện: thửa số 2119, diện tích 1.974m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã Phú Cường, huyện Cai Lậy. Công văn số 875/UBND-NC ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy xác định thửa đất thửa 2119, diện tích 1.974m<sup>2</sup> nay thửa đất số 162, tờ bản đồ số 06 của bà Phan Thị D hướng Bắc giáp với đường đi công cộng và kênh Nguyễn Văn Tiếp. Qua đo đạc thực tế, bà D đang quản lý sử dụng



diện tích 1.310,8m<sup>2</sup>; nếu cộng diện tích đất tranh chấp 171,3m<sup>2</sup> vào diện tích 1.310,8m<sup>2</sup> bà D đang sử dụng thì bà D đang quản lý sử dụng có tổng diện tích là 1.482,1 m<sup>2</sup>, thiếu 491,9m<sup>2</sup> so với diện tích đất được cấp quyền sử dụng đất.

Do đó, có cơ sở xác định hộ ông H lấn chiếm đất của bà D diện tích 58,2m<sup>2</sup>; bà D yêu cầu ông H trả lại diện tích đất lấn chiếm là có cơ sở để chấp nhận 01 phần. Xét án sơ thẩm căn cứ vào sự thừa thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 bên được cấp để buộc ông H trả cho bà D diện tích 58,2m<sup>2</sup> là không đủ cơ sở.

Thứ nhất: Bà Phan Thị D khởi kiện bị đơn ông Phan Văn H yêu cầu buộc ông H trả lại phần đất con mương lấn chiếm có chiều ngang 2,98m<sup>2</sup>, chiều dài 60,8m, diện tích 171,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa 2119, tọa lạc tại ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ diện tích 58,2m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 171,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa 2119, tọa lạc tại ấp 5B hay thửa đất số 161, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.154m<sup>2</sup> của ông H.

Thứ hai: Chưa được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định vì sao diện tích 58,2m<sup>2</sup> thừa so với giấy chứng nhận QSDĐ của ông H.

Thứ ba: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa xác định vì sao đất bà D thiếu diện tích 491,9m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận QSDĐ, bà D yêu cầu ông H trả 171,3m<sup>2</sup> nhưng ông H chỉ thừa diện tích 58,2m<sup>2</sup> cũng chưa được làm rõ.

Bà D khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không xuất trình được bất cứ chứng cứ nào có giá trị pháp lý, lẽ ra cấp sơ thẩm phải bác yêu cầu khởi kiện mới đúng.

Các quyết định của cơ quan có thẩm quyền đều xác định đất tranh chấp là của ông H, Tòa án đã xử không huỷ các quyết định trên, cấp sơ thẩm chỉ dựa vào thừa thiếu so với giấy chứng nhận để xử mà không làm rõ nội dung của vụ án, lẽ ra cấp phúc thẩm phải huỷ án về điều tra xét xử lại, nhưng do bị đơn không kháng cáo, nên không huỷ án để xử lại.

[5] Xét khiếu kiện yêu cầu hủy 03 quyết định hành chính của bà Phan Thị D gồm: Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy; Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 của UBND huyện Cai Lậy v/v giải quyết đơn khiếu nại số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của UBND huyện Cai Lậy; Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang v/v giải quyết tranh chấp quyền sử dụng mương ranh giữa bà Phan Thị D với ông Phan Văn H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phan Thị D khiếu kiện 03 Quyết định hành chính nêu trên tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Ngày 28/7/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 28/2017/TLST-HC và ngày 13/9/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã giải quyết vụ án hành chính nêu trên bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 26/2017/QĐST-HC, nội dung quyết định: thời hiệu khởi kiện đối với 03 quyết định hành chính này đã hết. Ngày 29/9/2017 ông Phan Văn L - đại diện theo ủy quyền của bà D kháng cáo. Ngày 17/4/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết bằng Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải

quyết vụ án số 95/2018/QĐ-PT, nội dung của quyết định: Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 26/2017/QĐST-HC ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào điểm d, khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính và điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khiếu kiện này của bà Phan Thị D vì sự việc đã được giải quyết bằng bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang liên đới bồi thường thiệt hại do các quyết định hành chính gây ra, tổng số tiền 2.178.000.000 đồng gồm thiệt hại về tài sản và thiệt hại về tinh thần; Hội đồng xét xử nhận thấy: Như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khiếu kiện đối với 03 quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang nêu trên, không xem xét giải quyết đối với 03 quyết định hành chính này. Tại phiên tòa, bà D không có chứng cứ nào chứng minh Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang gây ra trong suốt 20 năm với tổng số tiền 2.178.000.000 đồng cho bà D, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà D.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà D về việc đòi ông H trả diện tích đất con mương lấn chiếm; đình chỉ giải quyết đối với khiếu kiện 03 quyết định hành chính gồm: Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy; Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 của UBND huyện Cai Lậy v/v giải quyết đơn khiếu nại số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của UBND huyện Cai Lậy; Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang v/v giải quyết tranh chấp quyền sử dụng mương ranh giữa bà Phan Thị D với ông Phan Văn H; không chấp nhận yêu cầu đòi Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản và tinh thần do các quyết định hành chính gây ra trong suốt 20 năm với tổng số tiền 2.178.000.000 đồng.

[8] Xét kháng cáo của bà Phan Thị D: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị D kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới so với hồ sơ cấp sơ thẩm thu thập, nên không có căn cứ xem xét.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận phải nộp.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị D.  
Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 147, 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 166, 175, 288 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; Điều 7, 20, 32 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ vào Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc yêu cầu ông Phan Văn H trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Buộc hộ ông Phan Văn H, Huỳnh Thị L, Phan Văn T, Phan Thị H1, Phan Văn T, Phan Thị Hồng B có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Phan Thị D diện tích đất lấn chiếm 58,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp A, xã C huyện L, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Phan Văn H;
- + Tây giáp đất bà Phan Thị D;
- + Nam giáp đất bà Phan Thị D;
- + Bắc giáp đất đường đá.

(có Họa đồ khu đất kèm theo)

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy; Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 của UBND huyện Cai Lậy v/v giải quyết đơn khiếu nại số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 của UBND huyện Cai Lậy; Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang v/v giải quyết tranh chấp quyền sử dụng nương rãnh giữa bà Phan Thị D với ông Phan Văn H.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc đòi Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang bồi thường thiệt hại về tài sản và tinh thần do các quyết định hành chính gây ra với số tiền 2.178.000.000 đồng.

5. Về án phí:

- Ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.
- Bà D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 002225 ngày 08/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Án phí phúc thẩm: Bà D được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo

biên lai thu số 00665 ngày 28/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (ông Phan Văn L nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Tiền Giang (1);
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1);
- Nguyên đơn (1);
- Bị đơn (1);
- Người liên quan (1);
- Lưu (3) 15b (TTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Bình**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Tú Oanh**

**Phạm Trí Tuấn**

**Trương Văn Bình**